

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Địa chỉ: phố An Hòa, phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

MỤC LỤC	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối phát sinh các tài khoản	06 – 07
Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng	08 – 12
Báo cáo chi tiết kinh phí hoạt động đã sử dụng	13 – 18
Báo cáo thu, chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh	19
Báo cáo tình hình tăng, giảm tài sản cố định	20 – 22
Thuyết minh Báo cáo tài chính	23 – 24

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Địa chỉ: phố An Hòa, phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

1. Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình

Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình (gọi tắt là “Trung tâm”) được thành lập từ năm 1995, tên gọi ban đầu là Trạm đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ trực thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Ninh Bình, theo Quyết định số 787/QĐ-UB ngày 07 tháng 08 năm 1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình. Đến năm 2004, Trung tâm được đổi tên thành Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình theo Quyết định số 286/2004/QĐ-UB ngày 10 tháng 02 năm 2004 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc đổi tên Trạm đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ thành Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới trực thuộc Sở giao thông vận tải tỉnh Ninh Bình.

Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình là đơn vị sự nghiệp có thu, tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên; có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

Mã số thuế của Trung tâm: 2700226750 cấp ngày 13/01/1999

2. Trụ sở chính

Trung tâm có trụ sở tại: phố An Hòa, phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Nhiệm vụ của Trung tâm

Trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, nhiệm vụ chính của Trung tâm là kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của các phương tiện cơ giới đường bộ trong hệ thống, thống nhất trên quy mô toàn quốc.

4. Ban lãnh đạo Trung tâm

Các thành viên Ban lãnh đạo đã điều hành Trung tâm trong suốt kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Giám đốc và kế toán:

Ông Nguyễn Trung Thao	Giám đốc
Ông Nguyễn Chiến Hùng	Phó Giám đốc
Bà Dương Thị Thường	Phụ trách kế toán – Chuyển công tác từ ngày 01/01/2017
Bà Phạm Lan Oanh	Phụ trách kế toán – Nhận công tác từ ngày 01/01/2017

5. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Năm 2017 là năm Trung tâm thực hiện cổ phần hóa theo Văn bản số 1129/TTg-ĐMDN ngày 03 tháng 08 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình thành Công ty Cổ phần và Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 11 tháng 08 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình thuộc Sở giao thông Vận tải Ninh Bình.

Ban Giám đốc Trung tâm khẳng định, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Chi nhánh Hà Nội đã được chỉ định là kiểm toán viên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2017.

7. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Báo cáo thu - chi hoạt động sự nghiệp của Trung tâm trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Trung tâm có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Trung tâm sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Trung tâm xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Trung tâm ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Trung tâm và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2017 của Trung tâm.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Nguyễn Trung Thao
Giám đốc

Ninh Bình, ngày 28 tháng 07 năm 2017

SỐ: /2017/VACA/BCKT-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017*

**Kính gửi: Ban Giám đốc điều hành
Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình, từ trang 07 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối tài khoản tại ngày 30/06/2017, Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng, Báo cáo chi tiết kinh phí hoạt động đã sử dụng, Báo cáo thu chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tình hình tăng giảm tài sản cố định và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Trung tâm theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính của Trung tâm có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Trung tâm liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trung tâm. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình tại ngày 30/06/2017, cũng như Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng, Báo cáo chi tiết kinh phí hoạt động đã sử dụng, Báo cáo thu chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tình hình tăng, giảm tài sản cố định cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Chi nhánh Hà Nội

Bùi Ngô Liên - Giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1006-2013-110-1*

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Nguyễn Minh Ân - Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1313-2013-110-1*

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số: B 01 - H

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

A – CÁC TÀI KHOẢN TRONG BẢNG

(Đơn vị tính: VND)

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
111	Tiền mặt	1.261	0	28.833.249.884	28.681.035.952	152.215.193	0
112	Tiền gửi ngân hàng, kho bạc	3.369.853.424	0	27.519.873.007	28.104.653.711	2.785.072.720	0
113	Tiền đang chuyển	0	0	312.887.196	312.887.196	0	0
153	Công cụ dụng cụ	0	0	64.860.900	64.860.900	0	0
211	Tài sản cố định hữu hình	11.997.299.455	0	292.618.800	0	12.289.918.255	0
213	Tài sản cố định vô hình	9.680.000.000	0	12.000.000	0	9.692.000.000	0
214	Hao mòn tài sản cố định	0	7.034.980.448	0	491.409.367	0	7.526.389.815
241	XDCB dở dang	0	0	0	0	0	0
311	Các khoản phải thu	0	0	64.140.600	64.140.600	0	0
331	Phải trả người bán	0	24.724.600	360.358.644	254.988.312	80.645.732	0
332	Các khoản phải nộp theo lương	0	0	144.138.468	144.138.468	0	0
333	Các khoản phải nộp Nhà nước	0	286.342.608	27.039.727.108	26.997.354.331	0	243.969.831
334	Các khoản phải trả công nhân viên	0	408.638.731	1.051.731.389	892.046.379	0	248.953.721
421	Chênh lệch thu chi chưa sử lý	0	0	564.899.573	564.899.573	0	0
431	Quỹ cơ quan	0	2.381.429.765	844.787.200	988.367.528	0	2.525.010.093
441	Nguồn kinh phí ĐTXDCB	0	0	0	0	0	0
461	Nguồn kinh phí hoạt động	0	268.718.981	581.847.157	313.128.176	0	0
466	Nguồn hình thành TSCĐ	0	14.642.319.007	491.409.367	304.618.800	0	14.455.528.440
511	Các khoản thu khác	0	0	879.448.176	879.448.176	0	0
531	Các khoản thu dịch vụ	0	0	2.379.973.487	2.379.973.487	0	0
631	Chi hoạt động dịch vụ	0	0	1.815.073.914	1.815.073.914	0	0
661	Chi hoạt động thường xuyên	0	0	215.775.075	215.775.075	0	0
	Tổng cộng	25.047.154.140	25.047.154.140	93.468.799.945	93.468.799.945	24.999.851.900	24.999.851.900

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số: B 01 - H

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

B – CÁC TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
001	Tài sản cố định thuê ngoài						
002	Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công						
005	Dụng cụ lâu bền đang sử dụng						
007	Ngoại tệ đang sử dụng						
008	Hạn mức kinh phí						
009	Hạn mức kinh phí khác						

Ninh Bình, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc

Phạm Lan Oanh

Nguyễn Trung Thao

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số: B 02 - H

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ
VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG**

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

PHẦN I – TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ

(Đơn vị tính: VND)

STT	CHỈ TIÊU NGUỒN KINH PHÍ	Mã số	Tổng số	Ngân sách Nhà nước				Nguồn khác
				Tổng số	NSNN giao	Phí, lệ phí để lại	Viện trợ	
A	B	C	1	2	3	4	5	6
I	KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG							
A	Kinh phí thường xuyên							
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang	01	268.718.981	268.718.981	-	268.718.981	-	-
2	Kinh phí thực nhận kỳ này	02	2.693.101.663	313.128.176	-	313.128.176	-	2.379.973.487
3	Lũy kế từ đầu năm	03	2.693.101.663	313.128.176	-	313.128.176	-	2.379.973.487
4	Tổng kinh phí được sử dụng kỳ này (04 = 01 + 02)	04	2.961.820.644	581.847.157	-	581.847.157	-	2.379.973.487
5	Lũy kế từ đầu năm	05	2.961.820.644	581.847.157	-	581.847.157	-	2.379.973.487
6	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán kỳ này	06	2.030.848.989	215.775.075	-	215.775.075	-	1.815.073.914
7	Lũy kế từ đầu năm	07	2.030.848.989	215.775.075	-	215.775.075	-	1.815.073.914
8	Kinh phí giảm kỳ này	08	-	-	-	-	-	-
9	Lũy kế từ đầu năm	09	-	-	-	-	-	-
10	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau (10 = 04 - 06 - 08) (*)	10	930.971.655	366.072.082	-	366.072.082	-	564.899.573

Ghi chú: (*) Kinh phí còn lại tại ngày 30/06/2017: **930.971.655 đồng** đã được trích và phân bổ như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải tạm nộp: 112.979.915 đồng
- Tính Thu nhập tăng thêm: 481.033.579 đồng
- Bổ sung Quỹ khen thưởng: 18.303.604 đồng
- Bổ sung Quỹ phúc lợi: 114.156.621 đồng
- Bổ sung Quỹ phát triển Hoạt động sự nghiệp: 204.497.936 đồng

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số: B 02 - H

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ
VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)**

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

PHẦN II – KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

(Đơn vị tính: VND)

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Mã số	Tổng số	Ngân sách Nhà nước				Nguồn khác
					Tổng số	NSNN giao	Phí, lệ phí để lại	Viện trợ	
C	D	E	F	1	2	3	4	5	6
		I- CHI HOẠT ĐỘNG		2.030.848.989	215.775.075	-	215.775.075	-	1.815.073.914
		1. Chi thường xuyên		2.030.848.989	215.775.075	-	215.775.075	-	1.815.073.914
		Vận tải đường bộ khác		2.030.848.989	215.775.075	-	215.775.075	-	1.815.073.914
6000		Tiền lương		411.012.800	-	-	-	-	411.012.800
	6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt		411.012.800	-	-	-	-	411.012.800
6050		Tiền công		45.900.000	-	-	-	-	45.900.000
	6051	Lương hợp đồng		45.900.000	-	-	-	-	45.900.000
6100		Phụ cấp lương		78.465.800	-	-	-	-	78.465.800
	6106	Làm thêm giờ		78.465.800	-	-	-	-	78.465.800
6300		Các khoản đóng góp		100.189.679	-	-	-	-	100.189.679
	6301	Bảo hiểm xã hội		66.969.584	-	-	-	-	66.969.584
	6302	Bảo hiểm y tế		25.113.595	-	-	-	-	25.113.595
	6303	Kinh phí công đoàn		8.106.500	-	-	-	-	8.106.500
6400		Các khoản TT cho cá nhân		89.300.000	-	-	-	-	89.300.000
	6401	Tiền ăn ca		63.890.000	-	-	-	-	63.890.000
	6449	Khác		25.410.000	-	-	-	-	25.410.000
6500		Dịch vụ công cộng		25.316.400	6.773.000	-	6.773.000	-	18.543.400
	6501	Điện		16.392.600	5.940.400	-	5.940.400	-	10.452.200
	6502	Nước		2.598.800	832.600	-	832.600	-	1.766.200
	6503	Thanh toán tiền nhiên liệu		-	-	-	-	-	-
	6504	Vệ sinh môi trường		1.200.000	-	-	-	-	1.200.000
	6549	Chi khác		5.125.000	-	-	-	-	5.125.000

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số: B 02 - H

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ
VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**

PHẦN II – KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN (TIẾP THEO)*(Đơn vị tính: VND)*

Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Mã số	Tổng số	Ngân sách Nhà nước				Nguồn khác
					Tổng số	NSNN giao	Phí, lệ phí để lại	Viện trợ	
C	D	E	F	1	2	3	4	5	6
6550		Vật tư văn phòng		126.518.300	42.257.400	-	42.257.400	-	84.260.900
	6551	Văn phòng phẩm		30.365.000	30.365.000	-	30.365.000	-	-
	6552	Mua sắm công cụ văn phòng		69.420.900	4.560.000	-	4.560.000	-	64.860.900
	6599	Vật tư văn phòng khác		26.732.400	7.332.400	-	7.332.400	-	19.400.000
6600		Thông tin tuyên truyền liên lạc		27.000.100	16.553.900	-	16.553.900	-	10.446.200
	6601	Cước phí điện thoại		7.360.800	3.916.400	-	3.916.400	-	3.444.400
	6603	Bưu phí		9.221.800	3.270.000	-	3.270.000	-	5.951.800
	6606	Tuyên truyền quảng cáo		4.567.500	4.567.500	-	4.567.500	-	-
	6612	Sách, báo tạp trí, Tuyên Truyền QC		-	-	-	-	-	-
	6615	Thuê bao điện thoại		5.850.000	4.800.000	-	4.800.000	-	1.050.000
6650		Hội nghị		500.000	-	-	-	-	500.000
	6699	Chi phí khác		500.000	-	-	-	-	500.000
6700		Công tác phí		48.125.500	-	-	-	-	48.125.500
	6701	Vé		12.289.100	-	-	-	-	12.289.100
	6702	Phụ cấp		3.150.000	-	-	-	-	3.150.000
	6703	Thuê phòng nghỉ		8.986.400	-	-	-	-	8.986.400
	6704	Khoán CT phí		23.700.000	-	-	-	-	23.700.000
	6749	Khác		-	-	-	-	-	-
6750		Chi phí thuê mượn		28.228.600	-	-	-	-	28.228.600
	6751	Thuê phương tiện		28.228.600	-	-	-	-	28.228.600

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số: B 02 - H

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ
VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)**

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

PHẦN II – KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN (TIẾP THEO)

(Đơn vị tính: VND)

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Mã số	Tổng số	Ngân sách Nhà nước				Nguồn khác
					Tổng số	NSNN giao	Phí, lệ phí để lại	Viện trợ	
C	D	E	F	1	2	3	4	5	6
6900		Sửa chữa thường xuyên		99.406.500	39.438.200	-	39.438.200	-	59.968.300
	6902	Sửa chữa ô tô		-	-	-	-	-	-
	6905	MMTB, TTB KT chuyên dùng		43.511.000	12.500.000	-	12.500.000	-	31.011.000
	6907	Nhà cửa		34.545.500	16.818.200	-	16.818.200	-	17.727.300
	6912	Máy tính, thiết bị tin học		10.120.000	10.120.000	-	10.120.000	-	-
	6913	Máy văn phòng		10.480.000	-	-	-	-	10.480.000
	6949	TSCĐ khác		750.000	-	-	-	-	750.000
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn		136.231.775	62.254.575	-	62.254.575	-	73.977.200
	7001	Chi mua vật tư hàng hoá		4.010.000	-	-	-	-	4.010.000
	7002	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng		-	-	-	-	-	-
	7003	In ấn tài liệu, sổ sách		4.485.600	-	-	-	-	4.485.600
	7005	Bảo hộ lao động		-	-	-	-	-	-
	7006	Mua ấn chỉ		47.360.100	47.030.100	-	47.030.100	-	330.000
	7007	HD ra bên ngoài		-	-	-	-	-	-
	7049	Khác		80.376.075	15.224.475	-	15.224.475	-	65.151.600

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số: B 02 - H

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ
VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)**

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

PHẦN II – KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN (TIẾP THEO)

(Đơn vị tính: VND)

Error!
link.

Not

a

valid

7750	Chi khác	814.653.535	48.498.000	-	48.498.000	-	766.155.535
7752	Chi lễ tết, KN ngày lễ lớn	96.682.000	28.500.000	-	28.500.000	-	68.182.000
7753	Khắc phục hậu quả thiên tai	15.283.000	-	-	-	-	15.283.000
7758	Hỗ trợ khác	-	-	-	-	-	-
7761	Chi tiếp khách	129.642.500	3.800.000	-	3.800.000	-	125.842.500
7766	Đào tạo bồi dưỡng NV	-	-	-	-	-	-
7767	Khấu hao TSCĐ	491.409.367	-	-	-	-	491.409.367
7799	Chi khác	81.636.668	16.198.000	-	16.198.000	-	65.438.668
	Cộng	2.030.848.989	215.775.075	-	215.775.075	-	1.815.073.914

Ninh Bình, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc

Phạm Lan Oanh

Nguyễn Trung Thao

BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐÃ SỬ DỤNG

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số: F02 - 1H

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên

(Đơn vị tính: VND)

Mục	Tiểu mục	Chỉ tiêu	Kinh phí được sử dụng kỳ này			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán kỳ này	Kinh phí giảm kỳ này	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau
			Kỳ trước chuyển sang	Số thực nhận kỳ này	Tổng số kinh phí được sử dụng kỳ này			
A	B	C	1	3	4	6	7	8
		Chi hoạt động thường xuyên	268.718.981	313.128.176	581.847.157	215.775.075	-	366.072.082
		Phí, lệ phí để lại	268.718.981	313.128.176	581.847.157	-		581.847.157
6500		Dịch vụ công cộng	-	-	-	6.773.000	-	(6.773.000)
	6501	Điện	-	-	-	5.940.400		(5.940.400)
	6502	Nước	-	-	-	832.600		(832.600)
6550		Vật tư văn phòng	-	-	-	42.257.400	-	(42.257.400)
	6551	Văn phòng phẩm	-	-	-	30.365.000		(30.365.000)
	6552	Công cụ văn phòng	-	-	-	4.560.000		(4.560.000)
	6599	Vật tư văn phòng khác	-	-	-	7.332.400		(7.332.400)
6600		TT Tuyên truyền liên lạc	-	-	-	16.553.900	-	(16.553.900)
	6601	Cước điện thoại	-	-	-	3.916.400		(3.916.400)
	6603	Bưu phí	-	-	-	3.270.000		(3.270.000)
	6606	Tuyên truyền quảng cáo	-	-	-	4.567.500		(4.567.500)
	6615	Thuê bao điện thoại	-	-	-	4.800.000		(4.800.000)
6900		Sửa chữa thường xuyên	-	-	-	39.438.200	-	(39.438.200)
	6905	Máy móc thiết bị	-	-	-	12.500.000		(12.500.000)
	6907	Nhà cửa	-	-	-	16.818.200		(16.818.200)
	6912	Thiết bị tin học	-	-	-	10.120.000		(10.120.000)
	6949	TSCĐ khác	-	-	-	-		-

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số: F02 - 1H

BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

*Nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên (tiếp theo)**(Đơn vị tính: VND)*

Mục	Tiểu mục	Chỉ tiêu	Kinh phí được sử dụng kỳ này			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán kỳ này	Kinh phí giảm kỳ này	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau
			Kỳ trước chuyển sang	Số thực nhận kỳ này	Tổng số kinh phí được sử dụng kỳ này			
A	B	C	1	3	4	6	7	8
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	-	-	-	62.254.575	-	(62.254.575)
	7001	Vật tư hàng hóa	-	-	-	-	-	-
	7002	Mua trang thiết bị	-	-	-	-	-	-
	7006	Chi mua ấn chỉ	-	-	-	47.030.100	-	(47.030.100)
	7049	Chi khác	-	-	-	15.224.475	-	(15.224.475)
7750		Chi khác	-	-	-	48.498.000	-	(48.498.000)
	7752	Lễ tết	-	-	-	28.500.000	-	(28.500.000)
	7753	Chi khắc phục hậu quả thiên tai	-	-	-	-	-	-
	7761	Chi tiếp khách	-	-	-	3.800.000	-	(3.800.000)
	7799	Chi khác	-	-	-	16.198.000	-	(16.198.000)
		Cộng	268.718.981	313.128.176	581.847.157	215.775.075	-	366.072.082

Ninh Bình, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc

Phạm Lan Oanh

Nguyễn Trung Thao

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số: F02 - 1H

BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Nguồn thu giá kiểm định

(Đơn vị tính: VND)

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Kinh phí được sử dụng kỳ này			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán kỳ này	Kinh phí giảm kỳ này	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau
			Kỳ trước chuyển sang	Số thực nhận kỳ này	Tổng số kinh phí được sử dụng kỳ này			
A	B	C	1	3	4	6	7	8
		Hoạt động Sản xuất kinh doanh	-	2.379.973.487	2.379.973.487	1.815.073.914	-	564.899.573
		Thu từ Hoạt động Sản xuất kinh doanh	-	2.379.973.487	2.379.973.487	-	-	2.379.973.487
6000		Tiền lương	-	-	-	411.012.800	-	(411.012.800)
	6001	Lương ngạch bậc, theo quỹ lương	-	-	-	411.012.800	-	(411.012.800)
6050		Tiền công	-	-	-	45.900.000	-	(45.900.000)
	6051	Công trả theo hợp đồng	-	-	-	45.900.000	-	(45.900.000)
6100		Phụ cấp lương	-	-	-	78.465.800	-	(78.465.800)
	6106	Phụ cấp thêm giờ	-	-	-	78.465.800	-	(78.465.800)
6300		Các khoản đóng góp	-	-	-	100.189.679	-	(100.189.679)
	6301	Bảo hiểm xã hội	-	-	-	66.969.584	-	(66.969.584)
	6302	Bảo hiểm Y tế	-	-	-	25.113.595	-	(25.113.595)
	6303	Kinh phí công đoàn	-	-	-	8.106.500	-	(8.106.500)
6400		T.toán cá nhân	-	-	-	89.300.000	-	(89.300.000)
	6401	Tiền ăn	-	-	-	63.890.000	-	(63.890.000)
	6449	Khác	-	-	-	25.410.000	-	(25.410.000)
6500		Dịch vụ công cộng	-	-	-	18.543.400	-	(18.543.400)
	6501	Điện	-	-	-	10.452.200	-	(10.452.200)
	6502	Nước	-	-	-	1.766.200	-	(1.766.200)
	6503	Xăng xe	-	-	-	-	-	-
	6504	VSMT	-	-	-	1.200.000	-	(1.200.000)
	6549	Chi khác	-	-	-	5.125.000	-	(5.125.000)

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số: F02 - 1H

BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

*Nguồn thu giá kiểm định (tiếp theo)**(Đơn vị tính: VND)*

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Kinh phí được sử dụng kỳ này			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán kỳ này	Kinh phí giảm kỳ này	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau
			Kỳ trước chuyển sang	Số thực nhận kỳ này	Tổng số kinh phí được sử dụng kỳ này			
A	B	C	1	3	4	6	7	8
6550		Vật tư văn phòng	-	-	-	84.260.900	-	(84.260.900)
	6551	Văn phòng phẩm	-	-	-	-	-	-
	6552	Mua sắm Công cụ văn phòng	-	-	-	64.860.900	-	(64.860.900)
	6599	Vật tư văn phòng khác	-	-	-	19.400.000	-	(19.400.000)
6600		TT Tuyên truyền liên lạc	-	-	-	10.446.200	-	(10.446.200)
	6601	Cước phí điện thoại	-	-	-	3.444.400	-	(3.444.400)
	6603	Bưu phí	-	-	-	5.951.800	-	(5.951.800)
	6606	Tuyên truyền quảng cáo	-	-	-	-	-	-
	6612	Sách báo tạp chí	-	-	-	-	-	-
	6615	Thuê bao điện thoại	-	-	-	1.050.000	-	(1.050.000)
6650		Hội nghị	-	-	-	500.000	-	(500.000)
	6651	In mua tài liệu	-	-	-	-	-	-
	6657	Thuê mướn khác phục vụ HN	-	-	-	-	-	-
	6658	Chi tiền ăn	-	-	-	-	-	-
	6699	Chi khác	-	-	-	500.000	-	(500.000)
6700		Công tác phí	-	-	-	48.125.500	-	(48.125.500)
	6701	Vé	-	-	-	12.289.100	-	(12.289.100)
	6702	Phụ cấp	-	-	-	3.150.000	-	(3.150.000)
	6703	Thuê phòng nghỉ	-	-	-	8.986.400	-	(8.986.400)
	6704	Khoản công tác phí	-	-	-	23.700.000	-	(23.700.000)
	6749	Khác	-	-	-	-	-	-

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số: F02 - 1H

BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Nguồn thu giá kiểm định (tiếp theo)

(Đơn vị tính: VND)

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Kinh phí được sử dụng kỳ này			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán kỳ này	Kinh phí giảm kỳ này	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau
			Kỳ trước chuyển sang	Số thực nhận kỳ này	Tổng số kinh phí được sử dụng kỳ này			
A	B	C	1	3	4	6	7	8
6750		Chi phí thuê mướn	-	-	-	28.228.600	-	(28.228.600)
	6751	Thuê phương tiện	-	-	-	28.228.600	-	(28.228.600)
	6799	Chi khác	-	-	-	-	-	-
6900		Sửa chữa thường xuyên	-	-	-	59.968.300	-	(59.968.300)
	6902	Sửa chữa ô tô	-	-	-	-	-	-
	6905	Máy móc thiết bị	-	-	-	31.011.000	-	(31.011.000)
	6907	Nhà cửa	-	-	-	17.727.300	-	(17.727.300)
	6912	Thiết bị tin học	-	-	-	-	-	-
	6913	Máy văn phòng	-	-	-	10.480.000	-	(10.480.000)
	6921	Đường điện, nước	-	-	-	-	-	-
	6949	TSCĐ khác	-	-	-	750.000	-	(750.000)
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	-	-	-	73.977.200	-	(73.977.200)
	7001	Vật tư hàng hóa	-	-	-	4.010.000	-	(4.010.000)
	7002	Trang thiết bị kỹ thuật CD	-	-	-	-	-	-
	7003	In ấn tài liệu SS	-	-	-	4.485.600	-	(4.485.600)
	7004	Đồng phục	-	-	-	-	-	-
	7005	In ấn tài liệu SS	-	-	-	-	-	-
	7006	Chi mua ấn chỉ	-	-	-	330.000	-	(330.000)
	7049	Chi khác	-	-	-	65.151.600	-	(65.151.600)

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số: F02 - 1H

BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)

Năm 2016

*Nguồn thu giá kiểm định (tiếp theo)**(Đơn vị tính: VND)*

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Kinh phí được sử dụng kỳ này			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán kỳ này	Kinh phí giảm kỳ này	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau
			Kỳ trước chuyển sang	Số thực nhận kỳ này	Tổng số kinh phí được sử dụng kỳ này			
A	B	C	1	3	4	6	7	8
7750		Chi khác	-	-	-	766.155.535	-	(766.155.535)
	7752	Chi lễ tết, kỷ niệm ngày lễ lớn	-	-	-	68.182.000	-	(68.182.000)
	7753	Khắc phục hậu quả thiên tai	-	-	-	15.283.000	-	(15.283.000)
	7754	Chi thường sáng kiến	-	-	-	-	-	-
	7758	Hỗ trợ khác	-	-	-	-	-	-
	7761	Chi tiếp khách	-	-	-	125.842.500	-	(125.842.500)
	7766	Đào tạo BDNV	-	-	-	-	-	-
	7767	Quỹ khấu hao	-	-	-	491.409.367	-	(491.409.367)
	7799	Chi khác	-	-	-	65.438.668	-	(65.438.668)
8300		Trả tiền vay	-	-	-	-	-	-
	8349	Vay khác	-	-	-	-	-	-
		Cộng	-	2.379.973.487	2.379.973.487	1.815.073.914	-	564.899.573

Ninh Bình, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc

Phạm Lan Oanh

Nguyễn Trung Thao

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số: B03 - H

BÁO CÁO THU, CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Đơn vị tính: VND)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Tổng cộng	Hoạt động thường xuyên	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Hoạt động không thường xuyên
A	B	C	1	2	3	4
1	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối kỳ trước chuyển sang	01	268.718.981	268.718.981	-	-
2	Thu trong kỳ	02	2.693.101.663	313.128.176	2.379.973.487	-
	Lũy kế từ đầu năm	03	2.693.101.663	313.128.176	2.379.973.487	-
3	Chi trong kỳ	04	2.030.848.989	215.775.075	1.815.073.914	-
	Trong đó					
	- Giá vốn hàng bán	05	-	-	-	-
	- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	06	-	-	-	-
	- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp	07	-	-	-	-
	Lũy kế từ đầu năm	08	2.030.848.989	215.775.075	1.815.073.914	-
4	Chênh lệch thu lớn hơn chi kỳ này (09 = 01 + 02 - 04)	09	930.971.655	366.072.082	564.899.573	-
	Lũy kế từ đầu năm	10	930.971.655	366.072.082	564.899.573	-
5	Nộp NSNN kỳ này	11	112.979.915	-	112.979.915	-
	Lũy kế từ đầu năm	12	112.979.915	-	112.979.915	-
6	Nộp cấp trên kỳ này	13	-	-	-	-
	Lũy kế từ đầu năm	14	-	-	-	-
7	Bổ sung nguồn kinh phí kỳ này	15	-	-	-	-
	Lũy kế từ đầu năm	16	-	-	-	-
8	Trích lập quỹ kỳ này	17	817.991.740	366.072.082	451.919.658	-
	Lũy kế từ đầu năm	18	817.991.740	366.072.082	451.919.658	-
9	Chênh lệch thu lớn hơn chi đến cuối kỳ này (19 = 09 - 11 - 13 - 15 - 17)	19	-	-	-	-

Ninh Bình, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc

Phạm Lan Oanh

Nguyễn Trung Thao

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Đơn vị tính: VND)

Error! Not a valid link.

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số: B 04 - H

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Đơn vị tính: VND)

Error! Not a valid link.Error! Not a valid link.

Mẫu số: B 04 - H

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Đơn vị tính: VND)

STT	- Loại tài sản cố định - Nhóm tài sản cố định	ĐVT	Số đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Số cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
	- Bộ máy tính để bàn	Bộ	2	39.600.000					2	39.600.000
	- Máy photo	Cái	1	34.000.000					1	34.000.000
	- Bộ máy tính ĐNA	Bộ			1	24.516.500			1	24.516.500
	- Bộ máy tính ĐNA	Bộ			1	23.000.000			1	23.000.000
	- Bộ máy tính ĐNA	Bộ			2	36.400.000			2	36.400.000
	- Tivi và thiết bị âm thanh phòng hội trường	Bộ			1	46.600.000			1	46.600.000
	- Bàn làm việc	Cái			3	12.450.000			3	12.450.000
	- Trần xốp chống nóng nhà xưởng	m2			816	149.652.300			816	149.652.300
II	Tài sản cố định vô hình			9.680.000.000		12.000.000				9.692.000.000
2.1	Đất	m2	6.600	9.680.000.000					6.600	9.680.000.000
2.2	Thiết kế website	Bộ			1	12.000.000			1	12.000.000
	Tổng cộng			21.677.299.455		304.618.800			-	21.981.918.255

Ninh Bình, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Phạm Lan Oanh

Nguyễn Trung Thao

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B 06 - H

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP TRONG NĂM

1. Tình hình biên chế, lao động, quỹ lương

- Số công nhân viên chức có mặt đến ngày 30/06/2017: 19 người
- Tăng trong kỳ: 2 người
- Giảm trong kỳ: 0 người
- Tổng quỹ tiền lương thực hiện trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 (gồm quỹ lương ngạch bậc, lương lao động hợp đồng, phụ cấp chức vụ, phụ cấp khu vực, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp thâm niên vượt khung) là: 456.912.800 đồng.

2. Thực hiện các nhiệm vụ cơ bản

Trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, nhiệm vụ chính của Trung tâm là kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của các phương tiện cơ giới đường bộ trong hệ thống, thống nhất trên quy mô toàn quốc.

II. Các chỉ tiêu chi tiết

(Đơn vị tính: VND)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
A	B	C	1	2
I	Tiền	01	3.369.854.685	2.937.287.913
1	Tiền mặt tồn quỹ	02	1.261	152.215.193
2	Tiền gửi ngân hàng	03	3.369.853.424	2.785.072.720
II	Tài sản cố định	11	21.677.299.455	21.981.918.255
1	Tài sản cố định hữu hình		11.997.299.455	12.289.918.255
2	Tài sản cố định vô hình		9.680.000.000	9.692.000.000
II	Nợ phải thu	21	-	80.645.732
1	Trả trước cho người bán		-	80.645.732
III	Nợ phải trả	31	719.705.939	492.923.552
1	Phải trả người bán		24.724.600	-
2	Các khoản phải nộp theo lương		-	-
3	Các khoản phải nộp Nhà nước		286.342.608	243.969.831
4	Các khoản phải trả công nhân viên		408.638.731	248.953.721

III. Tình hình tăng giảm các quỹ

(Đơn vị tính: VND)

	Số dư đầu kỳ	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	182.618.430	18.303.604	168.560.000	32.362.034
Quỹ phúc lợi	206.889.991	274.156.621	335.432.300	145.614.312
Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	1.991.921.344	695.907.303	340.794.900	2.347.033.747
Cộng	2.381.429.765	988.367.528	844.787.200	2.525.010.093

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B 06 - H

IV. Tình hình thực hiện nộp ngân sách và nộp cấp trên*(Đơn vị tính: VND)*

STT	Chỉ tiêu	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
I	Nộp ngân sách	286.342.608	26.997.354.331	27.039.727.108	243.969.831
1	Thuế môn bài	-	1.000.000	1.000.000	-
2	Thuế GTGT	77.390.034	230.757.416	228.072.000	80.075.450
3	Thuế TNDN	91.144.574	112.979.915	135.939.228	68.185.261
4	Thuế TNCN	-	-	9.635.880	(9.635.880)
5	Phí, lệ phí	117.808.000	26.652.617.000	26.665.080.000	105.345.000
II	Nộp cấp trên	-	-	-	-
	Cộng	286.342.608	26.997.354.331	27.039.727.108	243.969.831

V. THÔNG TIN KHÁC**1. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Năm 2017 là năm Trung tâm thực hiện cổ phần hóa theo Văn bản số 1129/TTg-ĐMDN ngày 03 tháng 08 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình thành Công ty Cổ phần và Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 11 tháng 08 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình thuộc Sở giao thông Vận tải Ninh Bình.

Ban Giám đốc Trung tâm khẳng định, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 của Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Chi nhánh Hà Nội, các số liệu này không bảo đảm tính so sánh được do khác nhau về độ dài kỳ kế toán.

Ninh Bình, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Người lập**Phụ trách kế toán****Giám đốc**

Phạm Lan Oanh

Nguyễn Trung Thao